

Số: 09/2023/QĐST-DS

Quận 4, ngày 22 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 20/2022/TLST – DS ngày 06/4/2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà L.T.T, sinh năm 1985 và ông L.T.N, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ: Số A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của ông L.T.N: Bà L.T.T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là Người đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền công chứng số 000585 ngày 20/01/2022 tại Văn phòng công chứng Văn Thị Mỹ Đức.

Bị đơn: Ông C.T.K, sinh năm 1989 và bà T.T.T.M, sinh năm 1992; Cùng địa chỉ: Số E, Đường F, Phường G, Quận H, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Bà N.H.G, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số W đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là Người đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền công chứng số 00021042 ngày 08/9/2022 tại Văn phòng công chứng Đồng Tâm.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông C.T.K và bà T.T.T.M thống nhất xác nhận có xây dựng công trình nhà tại địa chỉ số E, Đường F, Phường G, Quận H, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép xây dựng số 245/GPXD (sử dụng cho nhà ở riêng lẻ) do Ủy Ban nhân dân Quận 4 cấp ngày 18/5/2021. Việc xây dựng công trình có làm ngôi nhà kế bên của bà L.T.T và ông L.T.N tại địa chỉ số A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 008742, số vào Sổ cấp GCN CS21754 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/6/2018) bị lún nền, nứt tường, thấm trần, ngôi nhà có nguy cơ sụp đổ gây mất an toàn cho gia đình nguyên đơn.

2.2. Bà L.T.T, Ông L.T.N và ông C.T.K, bà T.T.T.M thống nhất thỏa thuận: Ông C.T.K, bà T.T.T.M có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà L.T.T, ông L.T.N số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) theo phương thức như sau:

+ Ngày 10/3/2023: Ông C.T.K, bà T.T.T.M có trách nhiệm bồi thường cho bà L.T.T, ông L.T.N số tiền 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng).

+ Ngày 10/4/2023: Ông C.T.K, bà T.T.T.M có trách nhiệm bồi thường cho bà L.T.T, ông L.T.N số tiền 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng).

+ Ngày 10/5/2023: Ông C.T.K, bà T.T.T.M có trách nhiệm bồi thường cho bà L.T.T, ông L.T.N số tiền còn lại là 82.000.000 đồng (tám mươi hai triệu đồng).

2.3. Về chi phí kiểm định thiệt hại công trình là 34.560.000 đồng (ba mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) theo phiếu thu số PT-0153 ngày 21/7/2022 của Công ty Cổ phần kiểm định xây dựng Sài Gòn: các bên thống nhất mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ chi phí là 17.280.000 đồng (mười bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng). Do bà T, ông N đã nộp xong chi phí kiểm định thiệt hại Công trình cho Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng Sài Gòn nên ông K, bà M có nghĩa vụ hoàn lại cho bà T và ông N số tiền 17.280.000 đồng. Ông K, bà M đã thanh toán đủ số tiền 17.280.000 đồng (mười bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) chi phí kiểm định cho bà T, ông N ngày 10/02/2023.

Trường hợp ông C.T.K và bà T.T.T.M vi phạm nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tiền trên thì bà L.T.T và ông L.T.N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành ngay một lần toàn bộ số tiền bồi thường còn thiếu.

Trong trường hợp ông C.T.K và bà T.T.T.M chậm thi hành khoản tiền nợ trên thì ông C.T.K và bà T.T.T.M phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành cho theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

2.4. Về án phí: Ông C.T.K, bà T.T.T.M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành là 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Hoàn trả lại cho bà L.T.T, ông L.T.N số tiền 12.780.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0008682 ngày 22/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mỹ Duyên